

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị Ngọc L** - Sinh năm 1973;

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Khu 7, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Bị đơn: Anh **Vi Kim T** - Sinh năm 1968;

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Khu 7, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trịnh Thị Ngọc L và anh Vi Kim T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trịnh Thị Ngọc L và anh Vi Kim T đều thuận tình ly hôn.

* **Về con chung:** Chị Trịnh Thị Ngọc L và anh Vi Kim T đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Vy Quốc K, sinh năm 1993 và Vy Thị Kim A, sinh năm 1994. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

* **Về tài sản chung:**

Chị Trịnh Thị Ngọc L và anh Vi Kim T không yêu cầu thẩm định, định giá tài sản

và tự nguyện thỏa thuận như sau:

Anh Vi Kim T được quyền sở hữu và sử dụng tài sản chung gồm: 01 thửa đất diện tích 400,0m², thửa đất số 293, tờ bản đồ số 29 tại khu 7, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ đứng tên anh Vi Kim T và chị Trịnh Thị Ngọc L và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà xây cấp bốn 03 gian cùng toàn bộ đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. (Toàn bộ tài sản và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay anh T đang quản lý) Chị L tự nguyện không yêu cầu anh T phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản nên anh T không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản.

*** Về công nợ chung và đất nông nghiệp:** Chị Trịnh Thị Ngọc L và anh Vi Kim T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về công sức đóng góp cho gia đình:** Chị Trịnh Thị Ngọc L và anh Vi Kim T đều xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

*** Về án phí:** Chị Trịnh Thị Ngọc L nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Trịnh Thị Ngọc L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2015/0004075 ngày 19/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba. Hoàn trả cho chị Trịnh Thị Ngọc L 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngài được thi hành án dân sự, ngài phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6.7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba;
- Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Tuấn